TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-01-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị N và anh D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTN, sinh năm 1997, địa chỉ: Bản MB, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh LVD, sinh năm 1989. địa chỉ: Bản MB, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTN trình bày:

Chị và anh LVD kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện ML, tỉnh SL ngày 26/3/2015, do hai người tự nguyện. Đến tháng 5 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, từ đó sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVD.

Về con chung: Có con là LTV, sinh ngày 07/10/2015. Hiện cháu đang ở với anh LVD. Nguyện vọng chị đồng ý để anh LVD nuôi con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVD trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân với chị LTN. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị LTN trình bày là đúng và hai người sống ly thân không quan tâm đến nhau từ năm 2018. Nay chị LTN yêu cầu ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có con là LTV, sinh ngày 07/10/2015. Hiện cháu đang ở với anh. Nguyện vọng anh muốn được nuôi con, không yêu cầu chị LTN phải cấp dưỡng nuôi con. Anh cung cấp bản lương thu nhập của anh hiện nay là 9.500.000, đồng một tháng.

Về tài sản chung, riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án. Có căn cứ để xử cho chị LTN được ly hôn anh LVD.

Về con chung: Giao cho anh LVD trực tiếp nuôi con là LTV, sinh ngày 07/10/2015. Chị LTN không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh LVD sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh LVD đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng trực tiếp, đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh LVD có đề nghị được xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh LVD.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTN và anh LVD kết hôn có đăng ký, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ

tháng 5 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTN và anh LVD đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTN và anh LVD yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTN được ly hôn anh LVD.

[3] Về con chung: Có con là LTV, sinh ngày 07/10/2015. Hiện cháu đang ở với anh LVD. Hai anh chị đều nhất trí anh LVD trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị LTN phải cấp dưỡng nuôi con. Anh cung cấp bảng lương thu nhập của anh hiện nay là 9.500.000, đồng một tháng, cần chấp nhận theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTN chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTN được ly hôn anh LVD.

2. Về con chung: Giao cho anh LVD trực tiếp nuôi con là LTV, sinh ngày 07/10/2015. Chị LTN không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng; nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004047 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 04/01/2021.

Anh LVD được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MB, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn